Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# **CHƯƠNG 2: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM**

## BÀI 4: NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
* Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
* Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* *Năng lực tìm hiểu địa lí:* khai thác và sử dụng bảng 4.1 – 4.3, hình 4.1, 4.2 – SGK tr.139 – 141 để tìm hiểu về nhân tố ảnh hưởng phát triển, đặc điểm, tình hình phát triển của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
* *Năng lực nhận thức và tư duy địa lí:* phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp; phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản; trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.
* *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* vận dụng kiến thức địa lí đã học để xác định và giải thích được bản đồ, bảng số liệu về đặc điểm, tình hình phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; nhận xét được ý nghĩa phát triển nông nghiệp xanh; sưu tầm thông tin từ các nguồn khác nhau ở địa phương để tìm hiểu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương em sinh sống.

**3. Phẩm chất**

* Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT *Lịch sử và Địa lí 9* *– Chân trời sáng tạo (phần Địa lí).*
* Bảng số liệu, thông tin, tư liệu do GV sưu tầm về nội dung bài học *Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.*
* Phiếu học tập.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT *Lịch sử và Địa lí 9* *– Chân trời sáng tạo (phần Địa lí).*
* Sưu tầm trên sách, báo, internet thông tin, tư liệu về nội dung bài học *Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.*

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS với nội dung bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhìn hình đoán chữ*. HS quan sát hình ảnh và trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản xuất hiện trong hình ảnh của trò chơi và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhìn hình đoán chữ.*

- GV mời HS theo tinh thần xung phong tham gia trò chơi.

- GV phổ biến luật chơi cho HS:

*+ HS quan sát hình ảnh về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, sau đó đoán chữ cái liên quan bên dưới.*

*+ HS trả lời nhanh nhất và đoán đúng tên vùng qua hình ảnh sẽ được điểm cộng.*

- GV trình chiếu hình ảnh:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | Phát triển trồng trọt theo hướng xanh, hữu cơ, tuần hoàn, đa giá trị |  baotintuc.vn | Thủy sản 'mắc cạn' vì... giá thức ăn chăn nuôi | | *Hình 1: Ngành…………………………..* | *Hình 2: Ngành…………………………* | | Tuần hoàn trong chăn nuôi giúp chất thải thành nguyên liệu | WTO hy vọng đạt thỏa thuận toàn cầu về giảm trợ cấp đánh bắt cá |  baotintuc.vn | | *Hình 3: Ngành……………………………* | *Hình 4: Hoạt động………………………* | | Gỗ óc chó (Gỗ Walnut) là gì? Đặc tính và ứng dụng của gỗ óc chó | Trồng rừng để giảm tác động của biến đổi khí hậu tại Việt Nam | | *Hình 5: Ngành…………………………* | *Hình 6: Hoạt động……………………* | |

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát hình ảnh và đoán chữ.

- Các HS còn lại trong lớp cổ vũ bạn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời HS xung phong trả lời.

- Nếu trả lời sai, GV tiếp tục mời HS còn lại đưa ra đáp án.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:

|  |  |
| --- | --- |
| *+ Hình 1: Ngành trồng trọt* | *+ Hình 2: Ngành thủy sản* |
| *+ Hình 3: Ngành chăn nuôi* | *+ Hình 4: Hoạt động khai thác thủy sản* |
| *+ Hình 5: Ngành lâm sản* | *+ Hình 6: Hoạt động trồng rừng* |

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Nông nghiệp là ngành sản xuất truyền thống, quan trọng đối với nước ta với sự phát triển đa dạng các sản phẩm nông nghiệp nhờ vào điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội. Hiện trạng phát triển và phân bố của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở nước ta hiện nay ra sao? Việc phát triển nông nghiệp xanh có ý nghĩa như thế nào đối với Việt Nam? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay –* ***Bài 4: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về nông nghiệp**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:

- Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

- Trình bày về tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS cả lớp làm việc theo nhóm, dựa vào mục 1 với kiến thức tìm hiểu của học sinh tại nhà hoàn thành *Phiếu học tập số 1*.

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành *Phiếu học tập số 1* và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Nhiệm vụ 1: Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV thực hiện phương pháp đảo ngược cho các nhóm chuẩn bị trước nội dung tại nhà, phân công lớp thành 7 nhóm tùy theo số lượng của từng lớp (5 - 6 HS).  - GV yêu cầu các nhóm khai thác thông tin mục 1a SGK tr.137, 138 và hoàn thành *Phiếu học tập số 1:*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP**   |  |  | | --- | --- | | **Nhân tố** | **Tác động** | | Nhóm 1: Địa hình và đất |  | | Nhóm 2: Khí hậu |  | | Nhóm 3: Nguồn nước |  | | Nhóm 4: Sinh vật |  | | Nhóm 5: Dân cư và nguồn lao động |  | | Nhóm 6: Chính sách phát triển nông nghiệp và vốn sản xuất, thị trường tiêu thụ |  | | Nhóm 7: Cơ sở vật chất kĩ thuật và công nghệ |  | |   - GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh, video về các nhân tố tác động tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp *(Đính kèm dưới Nhiệm vụ 1).*  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Mỗi HS trong nhóm làm việc độc lập tại nhà, ghi lại phần trình bày của mình và thảo luận cùng nhóm.  - GV quan sát, hướng dẫn HS trong quá trình thảo luận (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện một số nhóm lần lượt trình bày kết quả nhóm theo nội dung đã được chuẩn bị.  - GV yêu cầu các nhóm nhận xét chéo và bổ sung ý kiến (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *các nhân tố tác động tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.*  - GV chuyển sang nhiệm vụ mới. | **1. Nông nghiệp**  ***a. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp***  Kết quả *Phiếu học tập số 1* đính kèm phía dưới *Nhiệm vụ 1.* |
| **HÌNH ẢNH, VIDEO VỀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG**  **TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP**   |  |  | | --- | --- | | *ĐẤT PHÙ SA Ở HÀ NỘI ĐỐI VỚI VIỆC HÌNH THÀNH VÙNG CÂY TRỒNG CHUYÊN CANH*  *Đất phù sa hình thành vùng*  *cây trồng chuyên canh* | VAI TRÒ CỦA LÚA GẠO TRONG ĐỜI SỐNG - NGỌC CHÂU MEKONG  *Cây lúa gạo – sản phẩm của*  *nông nghiệp nhiệt đới* | | Ứng dụng khoa học – công nghệ vào sản xuất nông nghiệp: Thành tựu, hạn chế  và giải pháp tháo gỡ | Tạp chí Quản lý nhà nước | Ứng dụng công nghệ cao thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển vượt bậc - Tạp  chí Tài chính | | *Ứng dụng khoa học – kĩ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp* | |   *\* Biến đổi khí hậu tác động kinh hoàng đến nông nghiệp:*  [*https://youtu.be/mTHflhEh3PU?si=0KadXB8UEUfJyOEW*](https://youtu.be/mTHflhEh3PU?si=0KadXB8UEUfJyOEW) *(0:35 – 3:15)*  *\* Nông dân lãi lớn nhờ ứng dụng Công nghệ vào Sản xuất:*  [*https://youtu.be/Zn-aiUGdc3c?si=xnKBc0rzVRaf7Ewl*](https://youtu.be/Zn-aiUGdc3c?si=xnKBc0rzVRaf7Ewl) | |
| **KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ**  **NÔNG NGHIỆP**   |  |  | | --- | --- | | **Nhân tố** | **Tác động** | | Nhóm 1:  **Địa hình**  **và đất** | *- Đồi núi:* có 3/4 diện tích, phần lớn là đồi núi thấp chủ yếu là đất feralit thuận lợi phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp, trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia súc lớn.  *- Đồng bằng:* chiếm 1/4 diện tích, đất đồng bằng chủ yếu là đất phù sa thuận lợi sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm, rau, quả. | | Nhóm 2:  **Khí hậu** | - Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.  ⭢ Thuận lợi phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.  - Khí hậu có sự phân hóa theo chiều bắc – nam.  ⭢ Đa dạng cơ cấu sản phẩm công nghiệp. | | Nhóm 3: **Nguồn nước** | - Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều hệ thống sông lớn.  ⭢ Cung cấp phù sa và nước tưới cho sản xuất nông nghiệp. | | Nhóm 4:  **Sinh vật** | Nguồn sinh vật phong phú, tính đa dạng sinh học cao.  ⭢ Nguồn gen quan trọng cho phát triển nông nghiệp. | | Nhóm 5:  **Dân cư**  **và nguồn**  **lao đồng** | - Nước ta có số dân đông tạo ra thị trường tiêu thụ rộng lớn.  - Lực lượng lao động trong nông nghiệp dồi dào, kinh nghiệm sản xuất phong phú.  - Chất lượng lao động trong nông nghiệp ngày càng được nâng cao. | | Nhóm 6: **Chính sách phát triển, vốn sản xuất, thị trường** | - Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách thu hút vốn đầu tư cho nông nghiệp.  - Thị trường nông nghiệp ngày càng mở rộng trong và ngoài nước. | | Nhóm 7:  **Cơ sở vật chất kĩ thuật và công nghệ** | - Quy hoạch một số vùng chuyên canh cây công nghiệp, lương thực – thực phẩm kết hợp với các cơ sở công nghiệp chế biến.  - Ứng dụng khoa học – kĩ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp ngày càng rộng rãi. | | | |
| ***Nhiệm vụ 2: Tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt:  *+ Nông nghiệp bao gồm ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi.*  *+ Ngành trồng trọt có cơ cấu bao gồm: cây công nghiệp, cây lương thực và cây ăn quả.*  *+ Ngành chăn nuôi có cơ cấu gồm: trâu, bò, lợn, gia cầm.*   |  |  | | --- | --- | | Giải bài toán nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp Việt Nam | Mở rộng vùng trồng cây ăn quả công nghệ cao | Viện Khoa học Nông nghiệp  Việt Nam |   - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, khai thác Hình 4.1, Bảng 4.1, 4.2 kết hợp thông tin mục 1b SGK tr.138 - 140 và trả lời câu hỏi: *Trình bày tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp.*    **Bảng 4.1. Diện tích, sản lượng cây lương thực có hạt và lúa ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2021.**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Diện tích (triệu ha)** | | **Sản lượng (triệu tấn)** | | | **Cây lương thực có hạt** | **Trong đó lúa** | **Cây lương thực có hạt** | **Trong đó lúa** | | 2010 | 8,6 | 7,5 | 44,6 | 40,0 | | 2015 | 9,0 | 7,8 | 50,3 | 45,1 | | 2021 | 8,1 | 7,2 | 48,3 | 43,9 |   *(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2011 và 2022)*  **Bảng 4.2. Số lượng một số gia súc và gia cầm ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2021**  *(Đơn vị: triệu con)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Trâu** | **Bò** | **Lợn** | **Gia cầm** | | 2010 | 2,9 | 5,9 | 27,3 | 301,9 | | 2015 | 2,6 | 5,7 | 38,9 | 369,5 | | 2021 | 2,3 | 6,4 | 23,1 | 524,1 |   *(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2022)*  **-** GV trình chiếu cho HS quan sát video, hình ảnh về tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp *(Đính kèm dưới Hoạt động 2).*  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày về tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp*  - GV chuyển sang nội dung mới. | ***b. Tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp***  ***\* Ngành trồng trọt:***  *- Cây công nghiệp:*  + Gồm cây nhiệt đới và cận nhiệt.  + Trồng chuyên canh ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên,...  *- Cây lương thực:* cây lúa là cây lương thực chính với hai vùng là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.  *- Cây ăn quả:*  + Phổ biến là: xoài, chôm chôm, bưởi,...  + Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất là Đồng bằng sông Cửu Long, Trung du miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ,...  ***\* Ngành chăn nuôi:***  *- Trâu:* số lượng giảm, chủ yếu nuôi ở Trung du miền núi Bắc Bộ.  *- Gia cầm:* số lượng ngày càng tăng, tập trung tại Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ.  *- Bò:* số lượng tăng nhẹ, tập trung tại Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. |
| **VIDEO, HÌNH ẢNH VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN**  **VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP**   |  |  | | --- | --- | | *Tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp*  *qua từng năm* | *8 nhóm hàng xuất khẩu*  *trên 2 tỉ USD năm 2022* | | *Cây nông nghiệp hằng năm diện tích gieo trồng*  *đến ngày 15/08/2022 (so với cùng kì 2021)* | | | *Số lượng gia súc, gia cầm năm 2022* | |   *\* GDP ngành nông nghiệp tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm:*  [*https://youtu.be/mbldM4WxD7U?si=WBGnAS88qi\_YGpG8*](https://youtu.be/mbldM4WxD7U?si=WBGnAS88qi_YGpG8) | |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về ngành lâm nghiệp**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và tình hình phát triển, phân bố ngành lâm nghiệp.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát Hình 4.1, bảng 4.3 kết hợp thông tin mục 2 trình bày tình hình phát triển đặc điểm phân bố tài nguyên rừng nước ta.

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành *Phiếu học tập số 2* và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát Hình 4.1, bảng 4.3 kết hợp thông tin mục 2 SGK tr.141, 142 và hoàn thành *Phiếu học tập số 2.*  **Bảng 4.3. Diện tích rừng của nước ta,**  **giai đoạn 2010 – 2021**  *(Đơn vị: triệu ha)*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Tổng diện tích** | **Rừng tự nhiên** | **Rừng trồng** | | 2010 | 13,4 | 10,3 | 3,1 | | 2015 | 14,1 | 10,2 | 3,9 | | 2021 | 14,7 | 10,2 | 4,5 |   *(Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,*  *năm 2022)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH PHÂN BỐ**  **TÀI NGUYÊN RỪNG**   |  | | --- | | **1. Đặc điểm** **phân bố tài nguyên rừng** | | ………………………………………………………… | | **2. Tình hình phân bố tài nguyên rừng** | | ………………………………………………………….. | |   - GV trình chiếu cho HS quan sát video, hình ảnh về đặc điểm và tình hình phân bố tài nguyên rừng nước ta *(Đính kèm dưới Hoạt động 2).*  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày nội dung tìm hiểu trong phiếu học tập.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *đặc điểm* *và* *tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp*  - GV chuyển sang nội dung mới. | **2. Lâm nghiệp**  Kết quả *Phiếu học tập số 2* đính kèm phía dưới *Hoạt động 2.* |
| **VIDEO, HÌNH ẢNH VỀ ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH**  **PHÂN BỐ TÀI NGUYÊN RỪNG NƯỚC TA**   |  | | --- | | *Hiện trạng rừng năm 2023* | | *Hiện trạng rừng Hà Nội qua 10 năm* |   *\* Các tỉnh Tây Nguyên “nóng” vì phá rừng:*  [*https://youtu.be/0jzavOKWUYo?si=7-VnSDKyUNyUAwBp*](https://youtu.be/0jzavOKWUYo?si=7-VnSDKyUNyUAwBp)  \* *Việt Nam phát triển rừng bền vững:*  [*https://youtu.be/Rm3xQMZFUzI?si=IZyYVjAE1-4IEgrx*](https://youtu.be/Rm3xQMZFUzI?si=IZyYVjAE1-4IEgrx) *(0:30 – 2:40)* | |
| **KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH PHÂN BỐ TÀI NGUYÊN RỪNG**   |  | | --- | | **Đặc điểm phân bố tài nguyên rừng** | | ***- Rừng phòng hộ*:** gồm rừng đầu nguồn phân bố ở các sông lớn, rừng chống cát bay dọc ven biển Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, rừng ngập mặn phân bố ven biển đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.  ***- Rừng đặc dụng*:** gồm vườn quốc gia như Yok Đôn, Cát Bà,... khu dự trữ sinh quyển như Lang Biang, Núi Chúa,..  ***- Rừng sản xuất*:** gồm rừng keo, tràm, bạch đàn,... được Nhà nước giao và cho thuê; phân bố trung du, miền núi. | | **Tình hình phân bố tài nguyên rừng** | | ***- Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản*:** rừng sản xuất là nguồn cung cấp nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến. Các sản phẩm chủ yếu là gỗ tròn, gỗ xẻ, ván sàn.,... Hiện nay, khai thác chế biến gỗ phân bố và phát triển gắn với các vùng rừng sản xuất như Tây Nguyên, Trung du miền núi Bắc Bộ.  ***- Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng*:** từ 2010 đến 2021, diện tích rừng trồng mới tăng 1,4 triệu ha. Ngoài ra trồng cây dược liệu dưới tán rừng, các dịch vụ du lịch môi trường rừng gắn với rừng trồng, bảo vệ và khoanh nuôi tự nhiên được chú trọng. | | | |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu về ngành thủy sản**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS phân tích được đặc điểm, tình hình phát triển và phân bố nguồn lợi thủy sản.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, dựa vào Hình 4.2 kết hợp thông tin mục 3 hoàn thành nội dung yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm, tình hình phát triển và phân bố nguồn lợi thủy sản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, dựa vào hình 4.2 kết hợp thông tin mục 3 SGK tr.142, 143 và trả lời câu hỏi:  *+ Phân tích đặc điểm nguồn lợi thủy sản nước ta.*  *+ Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản nước ta.*  *Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, phần mềm, Biểu tượng máy tính  Mô tả được tạo tự động*  - GV trình chiếu cho HS quan sát video về ngành thủy sản nước ta:  *+ Việt Nam lọt top 3 nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới:*  [*https://youtu.be/X9M-AZxbd98?si=4G\_LGDdKOprX4neV*](https://youtu.be/X9M-AZxbd98?si=4G_LGDdKOprX4neV)  *+ Mang mực non ra giữa biển, mỗi lồng lợi nhuận cả tỉ/năm:*  [*https://youtu.be/2be9DElIl6I?si=GqGtmLmBAyMb-xC0*](https://youtu.be/2be9DElIl6I?si=GqGtmLmBAyMb-xC0)  *+ Cận cảnh lồng nuôi mực trên biển lớn nhất Việt Nam vừa hạ thủy:*  [*https://youtu.be/cMiZbf0sYsk?si=6mmlr7HxH8D93QCt*](https://youtu.be/cMiZbf0sYsk?si=6mmlr7HxH8D93QCt)  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *đặc điểm, tình hình phát triển và phân bố nguồn lợi thủy sản.*  - GV chuyển sang nội dung mới. | **3. Thủy sản**  ***a. Đặc điểm nguồn lợi thủy sản***  *- Đường bờ biển:* dài 3 260km; vùng biển rộng, tổng trữ lượng 3,9 – 4,0 triệu tấn.  *- Nguồn hải sản phong phú, đa dạng:* 2000 loài cá, 1600 giáp xác; hơn 600 loài rong biển.  *- Các ngư trường trọng điểm:* Hải Phòng – Quảng Ninh, Hoàng Sa – Trường Sa, Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu, Cà Mau – Kiên Giang.  ***b. Tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản***  *- Khai thác thủy sản:* Sản lượng thủy sản khai thác tăng khá nhanh (Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu…).  *- Nuôi trồng thủy sản:*  + Phát triển mạnh chủ yếu là tôm hùm, tôm thẻ, tôm sú,…  + Tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn: An Giang, Cà Mau…  *- Xu hướng phát triển:*  + Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất như truy nguồn gốc.  + Đánh bắt theo thẻ xanh IUU.  + Nuôi hữu cơ… |

**Hoạt động 4: Tìm hiểu về vấn đề phát triển nông nghiệp xanh**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào mục 4 SGK kết hợp với hiểu biết bản thân và trả lời câu hỏi về ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy của HS về vai trò của việc phát triển nông nghiệp xanh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào mục 4 SGK tr.143 kết hợp với hiểu biết bản thân: *Hãy vẽ sơ đồ tư duy cho biết phát triển nông nghiệp xanh có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với nước ta.*  - GV trình chiếu cho HS quan sát video, hình ảnh về ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh đối với Việt *Nam (Đính kèm dưới Hoạt động 4).*  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và thực hiện vẽ sơ đồ tư duy.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện một số HS trình bày sơ đồ tư duy.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *vai trò của việc phát triển nông nghiệp xanh.*  - GV chuyển sang nội dung mới. | **4. Nông nghiệp xanh**  Sơ đồ tư duy đính kèm phía dưới *Hoạt động 4.* |
| **VIDEO, HÌNH ẢNH VỀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC**  **PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP XANH ĐỐI VỚI VIỆT NAM**  Hướng tới nền nông nghiệp xanh, trách nhiệm, hiệu quả  *Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*  *\* Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển nông nghiệp xanh vùng ven đô:*  [*https://youtu.be/3TmJmoQccT4?si=75SvLQsJuToNXsTm*](https://youtu.be/3TmJmoQccT4?si=75SvLQsJuToNXsTm)  *\* Nông nghiệp xanh - Bài toán nâng cao giá trị nông sản Việt:*  [*https://youtu.be/nhHLMchq9HM?si=E7EQ6gayrfPuVOY7*](https://youtu.be/nhHLMchq9HM?si=E7EQ6gayrfPuVOY7)  *\* Việt Nam hướng tới nền nông nghiệp xanh ít phát thải:*  [*https://youtu.be/lmS6Cf2BKxs?si=AngdhqV-8IVOtXta*](https://youtu.be/lmS6Cf2BKxs?si=AngdhqV-8IVOtXta) | |
| **SƠ ĐỒ TƯ DUY VỀ VAI TRÒ CỦA NÔNG NGHIỆP XANH**  **ĐỐI VỚI NƯỚC TA**  **Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, phần mềm, Biểu tượng máy tính  Mô tả được tạo tự động** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học về *Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.*

**b. Nội dung:**

**-** GV cho HS làm Phiếu bài tập trắc nghiệm về *Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.*

- GV cho HS trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập SGK tr.143.

**c. Sản phẩm:** Đáp án của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS làm *Phiếu bài tập*, trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm tổng kết bài học*Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.*

- GV phát Phiếu bài tập cho HS cả lớp thực hiện:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trường THCS:………………………………………….**  **Lớp:……………………………………………………..**  **Họ và tên:……………………………………………….**  **PHIẾU BÀI TẬP ĐỊA LÍ 9 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**  **BÀI 4: NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN**  *Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:*  **Câu 1:** Các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp là  A. Dân cư và nguồn lao động; khí hậu; nguồn nước; địa hình.  B. Địa hình và đất; khí hậu; nguồn nước; sinh vật.  C. Thị trường tiêu thụ; địa hình và đất; sinh vật.  D. Khí hậu; cơ sở vật chất kĩ thuật và công nghệ; nguồn nước.  **Câu 2:** Các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp là  A. Dân cư và nguồn lao động; chính sách phát triển nông nghiệp và vốn sản xuất; thị trường tiêu thụ; cơ sở vật chất kĩ thuật và công nghệ.  B. Chính sách phát triển nông nghiệp và vốn sản xuất; thị trường tiêu thụ; cơ sở vật chất kĩ thuật và công nghệ; dân cư và nguồn lao động.  C. Thị trường tiêu thụ; cơ sở vật chất kĩ thuật và công nghệ; khí hậu, nguồn nước, địa hình và đất; sinh vật.  D. Dân cư và nguồn lao động; chính sách phát triển nông nghiệp và vốn sản xuất; địa hình và đất; khí hậu; nguồn nước; sinh vật.  **Câu 3:** Đặc điểm của địa hình và đất nước ta là  A. Có 3/4 diện tích là đồng bằng, phần lớn là đồi núi thấp, một số vùng có các cao nguyên rộng lớn.  B. Có 3/4 diện tích là đồi núi, phần lớn là đồi núi thấp, một số vùng có các cao nguyên rộng lớn.  C. Có 3/4 diện tích là đồi núi, phần lớn là đồi núi cao, một số vùng có các cao nguyên rộng lớn.  D. Có 3/4 diện tích là cao nguyên, phần lớn là đồi núi cao, một số vùng có các cao nguyên rộng lớn.  **Câu 4:** Nước ta có khí hậu  A. gió mùa.  B. nhiệt đới lục địa.  C. nhiệt đới ẩm gió mùa.  D. ôn đới.  **Câu 5:** Đâu **không** phải là chính sách phát triển nông nghiệp và vốn sản xuất ở nước ta?  A. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.  B. Áp dụng khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.  C. Chính sách phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn.  D. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào bảo hiểm nông nghiệp  **Câu 6:** Đâu **không** phải là đặc điểm về địa hình và đất ở nước ta?  A. Có 3/4 là diện tích là đồi núi, 1/4 diện tích là đồng bằng.  B. Khu vực đồi núi chủ yếu là đất feralit.  C. Có ba châu thổ lớn.  D. Đồng bằng chủ yếu là đất phù sa.  **Câu 7:** Trong các ý dưới đây, có bao nhiêu ý đúng về ý nghĩa của phát triển nông nghiệp xanh đối với nước ta?   1. Nâng cao tính cạnh tranh của nông nghiệp, tạo sản phẩm có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng. 2. Phát triển công nghệ xử lí tái sử dụng phụ phẩm, phế thải. 3. Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm ô nhiễm môi trường. 4. Đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế - xã hội – môi trường.  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 1 ý. | B. 2 ý. | C. 3 ý. | D. 4 ý. |   **Câu 8:** Ngành sản xuất truyền thống, quan trọng đối với nước ta là  A. Lâm nghiệp.  B. Thủy sản.  C. Nông nghiệp.  D. Dịch vụ - thương mại.  **Câu 9:** Cho bảng số liệu:  **Sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản của nước ta giai đoạn 2005 - 2012**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Sản lượng thủy sản (nghìn tấn)** | | | **Giá trị sản xuất**  **(tỉ đồng)** | | **Tổng số** | **Khai thác** | **Nuôi trồng** | | 2000 | 3466,8 | 1987,9 | 1479,9 | 63687,0 | | 2007 | 4199,1 | 2074,5 | 2124,6 | 89694,3 | | 2010 | 5142,7 | 2414,4 | 2728,3 | 153169,9 | | 2012 | 5820,7 | 2705,4 | 3115,3 | 224263,9 |   Nhận định nào sau đây **không** đúng về tình hình sản xuất thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2012?  A. Sản lượng thủy sản và giá trị sản xuất thủy sản đều tăng, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn thủy sản khai thác.  B. Sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.  C. Giá trị sản xuất thủy sản tăng liên tục, tăng nhanh.  D. Tổng sản lượng thủy sản tăng liên tục, tăng nhanh.  **Câu 10:** Cho bảng số liệu:  **Sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2015**  *(Đơn vị: nghìn tấn)*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Tổng số** | **Chia ra** | | | **Khai thác** | **Nuôi trồng** | | 2005 | 3466,8 | 1987,9 | 1478,9 | | 2010 | 5142,7 | 2414,4 | 2728,3 | | 2013 | 6019,7 | 2803,8 | 3125,9 | | 2015 | 6549,7 | 3036,4 | 3513,3 |   Căn cứ vào bảng trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?  A. Tỉ trọng nuôi trồng giảm, tỉ trọng khai thác tăng.  B. Tỉ trọng nuôi trồng tăng, tỉ trọng khai thác giảm.  C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác.  D. Sản lượng thủy sản khai thác luôn chiếm tỉ trọng cao. |

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành *Phiếu bài tập.*

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 – 2 HS lần lượt đọc đáp án đúng.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, đọc đáp án khác (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Đáp án** | **B** | **A** | **B** | **C** | **B** |
| **Câu hỏi** | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | **C** | **C** | **C** | **A** | **B** |

- GV chuyển sang nội dung mới.

***Nhiệm vụ 2. Trả lời câu hỏi bài tập - phần Luyện tập SGK tr.143***

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ thể hiện các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển nông nghiệp nước ta.*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS vận dụng kiến thức đã học thực hiện vẽ sơ đồ.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

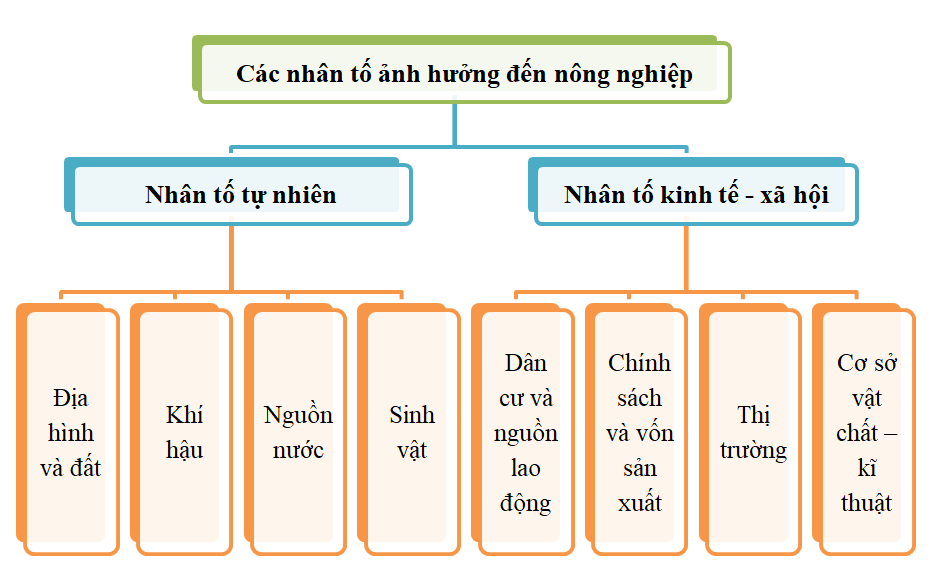
**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện một số HS trình bày nội dung bài tập.

- GV yêu cầu các HS khác quan sát, nhận xét, nêu ý kiến khác (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận:



- GV chuyển sang nội dung mới.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:

- Củng cố kiến thức đã học về *Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.*

- Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập phần Vận dụng SGK tr.143.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bài tập phần Vận dụng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ ở nhà: *Hãy sưu tầm thông tin và hình ảnh về một trong những ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở nước ta*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thêm thông tin trên sách, báo, internet để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV nhận xét, đánh giá, kết thúc tiết học.

**PHỤ LỤC**

**Bảng tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | | | |
| **5** | **4** | **3** | **2** |
| Nội dung | Đầy đủ nội dung. | Thiếu 1 nội dung. | Thiếu 2 – 3 nội dung. | Thiếu từ 4 nội dung trở lên hoặc không hoàn thành. |
| Thời gian hoàn thành | Hoàn thành nhanh nhất, sớm hơn giờ quy định. | Hoàn thành nhanh thứ 2, đảm bảo thời gian quy định. | Quá thời gian quy định 30 giây. | Quá thời gian quy định trên 30 giây. |
| Sự phối hợp hoạt động trong quá trình làm việc nhóm | Tất cả thành viên đều tham gia thảo luận. Tinh thần thảo luận sôi nổi, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên. | Hầu hết các thành viên đều tham gia thảo luận. Có 1 - 2 thành viên hời hợt, thiếu tích cực trong làm việc nhóm. | Nhiều thành viên không thảo luận chung, làm việc cá nhân. Tinh thần phối hợp chưa hiệu quả. | Các thành viên không phối hợp với nhau trong làm việc nhóm, làm việc độc lập, đơn lẻ. |
| Tính kỉ luật | Các thành viên giữ gìn trật tự, tôn trọng nhau trong quá trình thảo luận nhóm. | Các thành viên giữ gìn trật tự tương đối tốt nhưng thảo luận lớn, gây ồn. | Một số thành viên có sự tranh cãi, mâu thuẫn trong quá trình làm việc nhóm. | Các thành viên không tập trung, mâu thuẫn nhiều lần trong quá trình làm việc nhóm. |
| Sáng tạo | Nội dung thể hiện sáng tạo, phương thức thể hiện mới, nhiều yếu tố hấp dẫn. | Có ý tưởng sáng tạo, phương thức thể hiện mới nhưng thiếu sự hấp dẫn. | Thiếu ý tưởng trình bày, sử dụng hình thức thể hiện chưa hấp dẫn. | Không có ý tưởng trình bày, xử lí tình huống thiếu logic, không hấp dẫn. |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại kiến thức đã học:

*+ Các nhân tố ảnh hưởng, tình hình phát triển nông nghiệp.*

*+ Đặc điểm, tình hình phát triển lâm nghiệp.*

*+ Đặc điểm, tình hình phát triển ngành thủy sản.*

*+ Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh*

- Hoàn thành bài tập phần Vận dụng SGK tr.143.

- Làm bài tập Bài 4 – SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Chân trời sáng tạo, phần Địa lí.*

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 5: Thực hành:* *Viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.*